

ĐÁNH GIÁ TỶ LỆ THẤT BẠI SAU ĐIỀU TRỊ NỘI NHA CỦA BỆNH NHÂN ĐẾN KHÁM VÀ ĐIỀU TRỊ TẠI KHOA ĐIỀU TRỊ NHA KHOA TỔNG QUÁT BỆNH VIỆN RĂNG HÀM MẶT TRUNG ƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Đức Huệ¹, Nguyễn Anh Ninh¹

TÓM TẮT

Mục tiêu: Đánh giá tỷ lệ điều trị nội nha thất bại trên phim quanh chóp của các bệnh nhân từ các phòng khám nha khoa bên ngoài bệnh viện đến khám và điều trị tại khoa điều trị Nha khoa Tổng quát bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung Ương – TP.HCM.

Phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu cắt ngang mô tả, thời gian từ tháng 3/2022 đến 10/2023. Mẫu nghiên cứu: 116 bệnh nhân đã điều trị nội nha lại từ các cơ sở nha khoa nhà nước hay tư nhân bên ngoài bệnh viện có nhu cầu đến khám và điều trị tủy lại tại khoa điều trị Nha khoa tổng quát bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung Ương – TP.HCM. Tiêu chí đánh giá: Căn cứ các quy định của nội nha không đạt các yêu cầu trên phim quanh chóp: Trám bít chưa đúng chiều dài làm việc, trám chưa kín các ống tủy, trám còn sót các ống tủy theo hình dáng giải phẫu, trám quá chiều dài ống tủy và có dấu hiệu thấu quang quanh chóp. Tiêu chí loại trừ: Các phim quanh chóp không đạt yêu cầu, không rõ nét.

Kết quả: Nghiên cứu tiến hành khảo sát 116 bệnh nhân đã điều trị nội nha từ các cơ sở nha khoa nhà nước hay tư nhân bên ngoài bệnh viện có nhu cầu điều trị lại đến khám và điều trị tại

Khoa Điều trị Nha khoa Tổng quát Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương – TP.HCM, với 42 Nam và 74 nữ, với tất cả 512 răng đã điều trị nội nha, cho thấy có 327 răng đã nội nha có dấu hiệu thất bại trên phim quanh chóp chiếm 63,87% ; chỉ có 185 răng thành công chiếm 36,13%. Các răng điều trị nội nha thất bại phân bố như sau: Trám không hết chiều dài các ống tủy với 262 răng chiếm tỷ lệ 80,12%. Có 35 răng có dấu hiệu thấu quang vùng quanh chóp chiếm 10,70%. Có 16 chân răng có đặt chốt mà không trám bít ống tủy chiếm 4,89%. 12 răng đã trám bít ống tủy nhưng còn sót chân răng, 1 răng bị thủng sàn và 1 răng trám quá chiều dài làm việc.

Kết luận: Tỷ lệ nội nha thất bại từ các phòng khám nha khoa bên ngoài bệnh viện chiếm tỷ lệ **63,87%**, nguyên nhân chính là do trám bít ống tủy không hết chiều dài làm việc, trám bít chưa kín và trám bít chưa hết các ống tủy chính và các ống tủy phụ. Kiến nghị các nhà quản lý ngành RHM cần quan tâm nhiều hơn về công tác đào tạo, công tác cấp chứng chỉ hành nghề và công tác quản lý chất lượng điều trị nội nha giúp nâng cao chất lượng công tác chăm sóc sức khỏe răng miệng cho bệnh nhân.

Từ khóa: Nha khoa, điều trị nội nha thất bại, trám bít ống tủy, phim quanh chóp.

SUMMARY

ASSESSMENT OF THE FAILURE RATE OF ENDODONTIC TREATMENT OF PATIENTS WHO COME FOR EXAMINATION AND TREATMENT AT THE GENERAL

¹Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương
Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Đức Huệ
ĐT: 0918449544
Email: nguyendehue@nhi.gov.vn
Ngày nhận bài: 10/6/2024
Ngày phản biện khoa học: 17/6/2024
Ngày duyệt bài: 27/6/2024

DENTAL TREATMENT DEPARTMENT OF THE NATIONAL HOSPITAL OF ODONTO STOMATOLOGY AT HO CHI MINH CITY

Objective: To evaluate the rate of failure of endodontic treatment on the apex - X ray film of patients from dental clinics outside the hospital who come for examination and treatment at The General Dental Treatment Department of The National Hospital of Odonto Stomatology at Ho Chi Minh City.

Research methods: Descriptive cross-sectional study, from 3/2022 to 10/2023. Sample: Total 512 endodontic teeth of 116 patients who had been treated endodontic from public or private dental clinics outside of the hospital who came for examination and retreatment of endodontics at The General Dental Treatment Department of The National Hospital of Odonto Stomatology – Ho Chi Minh City. Evaluation criteria based on the signs of the failure of endodontic treatment on the apex - X ray film.

Results: The study conducted a survey of 116 patients with 512 endodontic teeth who had endodontic treatment from public or private dental clinics outside the hospital who needed to be examined and treated at the General Dental Treatment Department with 42 males and 74 females. There were 327 endodontic teeth with signs of failure on the apex - X ray film, accounting for 63.87%; only 185 teeth were successful, accounting for 36.13%. The teeth that failure endodontic treatment were distributed as follows: The filling did not reach the working length of the root canals with 262 teeth (80.12%). There were 35 teeth with signs of translucency in the periapical area (10.70%). There were 16 roots of the teeth with pins but without root canals (4.89%). 12 teeth had been filled with the root canal but some roots had not been filled; one tooth is perforated on the floor and one tooth had been filled over the working length.

Conclusion: The rate of the failure endodontic treatment from dental clinics outside the hospital accounted for 63.87%, the main reasons were that the filling of the root canal did not reach the working length, the filling was not fit all root canals and untreated major and minor canals. It is recommended that the dental managers should pay more attention for training, the issuance of practice certificates and the quality management of endodontic treatment to improve the quality of oral health care for patients.

Keywords: Dentistry, failure of endodontic treatment, root canal, apex –X ray film.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Điều trị nội nha thành công là điều mong muốn của tất cả bác sĩ nội nha, tuy nhiên trong quá trình điều trị chúng ta sẽ gặp những trường hợp nội nha khó thành công và thậm chí thất bại trong quá trình điều trị.

Theo kết quả khảo sát của Edward Kaliisa 2019 cho thấy tỷ lệ nội nha thất bại chiếm từ 7 – 47% phụ thuộc vào tiêu chí, đối tượng nghiên cứu hay thời gian đánh giá sau điều trị nội nha. Tỷ lệ nội nha thất bại phụ thuộc vào nhiều nguyên nhân và phụ thuộc vào nhiều tiêu chí, thời gian đánh giá khác nhau.

Thực tế, hiện nay các dịch vụ nha khoa tại thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh rất phát triển với nhiều cơ sở nha khoa công lập và ngoài công lập nhằm đáp ứng nhu cầu điều trị và chăm sóc sức khỏe răng miệng của người dân.

Tuy nhiên, trong quá trình khám và điều trị tại khoa điều trị nha khoa Tổng quát – bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương – TP.HCM chúng tôi nhận thấy tỷ lệ nội nha thất bại còn chiếm tỷ lệ khá cao cho nên chúng tôi tiến hành đề tài nghiên cứu: “Đánh

giá tỷ lệ thất bại sau điều trị nội nha trên phim quanh chóp của bệnh nhân đến khám và điều trị tại khoa điều trị Nha khoa Tổng quát - Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung Ương Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2023”.

Mục tiêu nghiên cứu:

- Đánh giá tỷ lệ điều trị nội nha thất bại trên phim quanh chóp của bệnh nhân đến khám và điều trị tại khoa điều trị Nha khoa Tổng quát - Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2023”.

- Đánh giá và phân tích tỷ lệ điều trị nội nha thất bại trên phim quanh chóp theo nguyên nhân.

- Đánh giá tỷ lệ điều trị nội nha thất bại trên phim quanh chóp theo nhóm răng tuổi, giới và nơi cư trú.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu tiến hành theo phương pháp cắt ngang mô tả. Thời gian từ tháng 03/2022 đến 10/2023.

Đối tượng nghiên cứu: Các bệnh nhân đến khám và điều trị tại khoa điều trị Nha khoa Tổng quát Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương – TP.HCM.

Mẫu nghiên cứu: 116 bệnh nhân đến khám và điều trị tại khoa điều trị Nha khoa Tổng quát Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương – TP.HCM. Với tất cả 116 phim panorex ban đầu và 512 phim quanh chóp để

chẩn đoán xác định các dấu hiệu của ca nội nha thất bại.

Tiêu chí đánh giá: Căn cứ các dấu hiệu trên trên phim quanh chóp để đánh giá các răng trám bít ống tuỷ không đạt yêu cầu như:

– Trám bít ống tuỷ chưa hết chiều dài làm việc,

– Trám bít ống tuỷ chưa kín các ống tuỷ,

– Trám bít ống tuỷ còn sót các ống tuỷ chính và ống tuỷ phụ theo hình dáng giải phẫu răng,

– Trám bít ống tuỷ quá chiều dài làm việc.

– Các răng có đặt chốt trong ống tuỷ, nhưng không được điều trị nội nha.

– Gãy dụng cụ trong ống tuỷ có dấu hiệu nhiễm trùng chóp

– Các răng có dấu hiệu thấu quang vùng quanh chóp.

Tiêu chí loại trừ: Các phim quanh chóp không đạt yêu cầu, không rõ nét và các răng nội nha không còn nguyên vẹn, các chân răng bị tét gãy.

❖ Hạn chế của đề tài:

– Mẫu nghiên cứu nhỏ chỉ khảo sát tại Khoa Điều trị Nha khoa Tổng quát.

– Các tiêu chí đánh giá tỷ lệ thất bại sau điều trị nội nha trên phim quanh chóp nên chưa có độ chính xác so với phim CT Cone Beam.

III. KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

3.1. Đặc điểm mẫu nghiên cứu

Nội dung		Số lượng	Tỷ lệ %
Giới	Nam	42	36,21
	Nữ	74	63,79
Nhóm tuổi (Từ 22-76 tuổi)	< 30 tuổi	5	04,33
	30 – 39	13	11,23

	40 – 49	29	25,02
	50 – 59	32	27,50
	60 – 69	26	22,42
	>70	11	09,50
Nơi cư trú	Tỉnh khác	62	53,45
	TP HCM	54	46,55

Nghiên cứu tiến hành khảo sát trên 116 bệnh nhân đến khám tại khoa điều trị Nha khoa Tổng quát, Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương – TP.HCM, với 42 bệnh nhân nam chiếm 36,21% và 74 bệnh nhân nữ chiếm 63,79%. Kết quả cũng cho thấy nhóm

40-69 tuổi chiếm tỷ lệ cao với 25,02%, 27,50% và 22,42% và nhóm >70 tuổi chỉ có 11 BN (9,50%). Kết quả cũng ghi nhận số người bệnh từ các tỉnh chiếm 53,45%; bệnh nhân tại Thành Phố HCM chỉ có 46,55%.

Bảng 2. Tần suất về số bệnh nhân có răng đã điều trị nội nha (n=116)

Số răng nội nha của người bệnh	Tần suất	Tỷ lệ
	n	%
1 răng đã nội nha	26	22,41
2 răng đã nội nha	13	11,21
3 răng đã nội nha	14	12,07
4 răng đã nội nha	20	17,24
5 răng đã nội nha	14	12,07
6 răng đã nội nha	5	4,31
7 răng đã nội nha	7	6,03
8 răng đã nội nha	6	5,17
9 răng đã nội nha	1	0,86
10 răng đã nội nha	4	3,45
12 răng đã nội nha	1	0,86
14 răng đã nội nha	3	2,59
16 răng đã nội nha	1	0,86
22 răng đã nội nha	1	0,86
Tổng	116	100

Kết quả cho thấy có 26 bệnh nhân chỉ làm có 01 răng đã điều trị nội nha (22,41%), và 20 bệnh nhân có 4 răng nội nha (17,24%) và 01 bệnh nhân có đến 22 răng đã nội nha (0.86%).

Bảng 3. Tỷ lệ răng đã nội nha có các dấu hiệu thất bại trên phim quanh chóp (n=512)

Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ %
Thành công	185	36,13
Thất bại	327	63,87
Tổng	512	100

Kết quả khảo sát 116 bệnh nhân với tất cả 512 răng đã điều trị nội nha ghi nhận chỉ có 185 răng nội nha thành công (36,13%) và 327 răng nội nha có dấu hiệu thất bại trên phim quanh chóp (63,87%). Các ca nội nha này được điều trị từ các Bác sĩ, Điều

dưỡng... của các cơ sở nha khoa bên ngoài Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương.

3.2. Tỷ lệ nội nha thất bại theo nguyên nhân được khảo sát trên phim quanh chóp

Bảng 4. Tỷ lệ % nội nha thất bại theo nguyên nhân được khảo sát trên phim quanh chóp (n=512)

Nguyên nhân	Số ca nội nha thất bại	
	N	%
Trám bít ống tủy không hết chiều dài ống tủy	262	80,12
Thấu quang vùng quanh chóp	35	10,70
Chân răng có đặt chốt mà không BOT	16	4,89
Trám bít ống tủy còn sót chân răng	12	3,67
Trám bít ống tủy quá chiều dài làm việc > 5 mm	1	0,31
Thủng sàn	1	0,31
Tổng	327	100

Kết quả khảo sát 327 răng nội nha thất bại được điều trị bên ngoài Bệnh viện RHM Trung ương ghi nhận 262 răng trám bít ống tủy không hết chiều dài chiếm 80,12%; 16 ca nội nha thất bại với dấu hiệu chân răng có chốt mà không có trám bít ống tủy chiếm 4,89% và 0 ca bị thủng sàn tủy và 1 ca trám quá chiều dài >0.5 mm.

Bảng 5. Tần suất về số răng nội nha thất bại của bệnh nhân (n=116)

Số răng nội nha thất bại của bệnh nhân	Số lượng	Tỷ lệ
	n	%
1 răng đã nội nha thất bại	43	37,07
2 răng đã nội nha thất bại	21	18,10
3 răng đã nội nha thất bại	22	18,97
4 răng đã nội nha thất bại	14	12,07
5 răng đã nội nha thất bại	7	6,03
6 răng đã nội nha thất bại	2	1,72
7 răng đã nội nha thất bại	2	1,72

8 răng đã nội nha thất bại	1	0,86
9 răng đã nội nha thất bại	1	0,86
11 răng đã nội nha thất bại	1	0,86
13 răng đã nội nha thất bại	1	0,86
18 răng đã nội nha thất bại	1	0,86
Tổng	116	100

Kết quả cho thấy số răng nội nha bị thất bại trên bệnh nhân được phân bố như sau: Có 43 bệnh nhân chỉ có 1 răng nội nha bị thất bại (37,07%); 22 bệnh nhân có 3 răng thất bại (18,89%); 1 bệnh nhân có 13 răng nội

nha thất bại (0,86% và có 1 bệnh nhân có đến 18 răng điều trị nội nha bị thất bại (0.86%).

3.3. Tỷ lệ nội nha thất bại phân theo nhóm răng, giới, tuổi và nơi cư trú

Bảng 6. Tỷ lệ nội nha thất bại phân theo nhóm răng (n=327).

Nội dung		Số lượng	Tỷ lệ %
Nhóm răng cối	Hàm trên	70	21,41
	Hàm dưới	86	26,30
Nhóm răng cối nhỏ	Hàm trên	57	17,43
	Hàm dưới	52	15,90
Nhóm răng cửa	Hàm trên	43	13,15
	Hàm dưới	19	5,81
Tổng		327	100

Kết quả khảo sát cho thấy, các răng cối lớn hàm trên bị thất bại sau điều trị nội nha chiếm đến 21,41%, tiếp đến là răng cối lớn hàm dưới chiếm 26,30%. Các răng cối nhỏ và các cửa ít bị thất bại hơn và các răng cửa hàm dưới ít bị thất bại nhất chỉ có 5,81%.

Bảng 7. Tỷ lệ nội nha thất bại phân theo nhóm răng và giới tính (n=327)

Phân theo nhóm răng và giới tính			Số răng thất bại	
			N	%
Nam	Nhóm R cối lớn	Hàm trên	21	6,4
		Hàm dưới	30	9,2
	Nhóm R cối nhỏ	Hàm trên	21	6,4
		Hàm dưới	20	6,1
	Nhóm R cửa	Hàm trên	6	1,8
		Hàm dưới	5	1,5
Nữ	Nhóm R cối lớn	Hàm trên	49	15,0
		Hàm dưới	56	17,1

	Nhóm R cối nhỏ	Hàm trên	36	11,0
		Hàm dưới	32	9,8
	Nhóm R cửa	Hàm trên	37	11,3
		Hàm dưới	14	4,3

Kết quả ghi nhận có đến 15,0% và 17,1% các răng cối hàm trên và hàm dưới của nhóm nữ có nội nha thất bại nhiều hơn nhóm nam. Kết quả này là hợp lý vì số bệnh nhân nữ trong nghiên cứu này chiếm tỷ lệ nhiều hơn nam giới.

Bảng 8. Tỷ lệ nội nha thất bại phân theo nhóm răng và nơi cư trú (n=327)

Phân theo nhóm răng và nơi cư trú			Số răng thất bại	
			n	%
TP.HCM	Nhóm R cối lớn	Hàm trên	34	10,4
		Hàm dưới	38	11,6
	Nhóm R cối nhỏ	Hàm trên	26	8,0
		Hàm dưới	24	7,3
	Nhóm R cửa	Hàm trên	25	7,6
		Hàm dưới	8	2,4
Tỉnh khác	Nhóm R cối lớn	Hàm trên	36	11,0
		Hàm dưới	48	14,7
	Nhóm R cối nhỏ	Hàm trên	31	9,5
		Hàm dưới	28	8,6
	Nhóm R cửa	Hàm trên	18	5,5
		Hàm dưới	11	3,4

Trong nghiên cứu này ghi nhận tỷ lệ nội nha thất bại cao ở nhóm răng cối lớn hàm trên và hàm dưới của bệnh nhân sống tại TP.HCM và các tỉnh là 10,4%, 11,6% và 11,0%; 14,7%. Nhóm răng cửa hàm dưới có tỷ lệ thất bại thấp nhất chỉ có 2,4% và 3,4% của hai nhóm nghiên cứu.

Bảng 9. So sánh tỷ lệ nội nha thất bại theo nhóm răng so với giới, tuổi và nơi cư trú (n=327)

Đặc điểm dân số		Số NN thất bại (n=327)		Số NN thành công (n = 185)		OR (KTC 95%)	p
		N	%	n	%		
Giới	Nam	103	59,2	71	40,8	1,35 (0,93 – 1,97)	0,114
	Nữ	224	66,3	114	33,7		
Nhóm tuổi	< 40 tuổi	34	61,8	21	38,2	0,79 (0,41 – 1,49)	0,460
	40 – 49	75	56,0	59	44,0		
	50 – 59	86	66,2	44	33,8		

	60 – 69	104	73,8	37	26,2	1,74 (0,90 – 3,35)	0,10
	≥ 70	28	53,8	24	46,2	0,72 (0,33 – 1,56)	0,404
Nơi cư trú	TP.HCM	155	61,8	96	38,2		1
	Tỉnh	172	65,9	89	34,1	1,20 (0,83 – 1,72)	0,329

Kết quả ghi nhận không có sự khác biệt về tỷ lệ nội nha thất bại giữa giới, nhóm tuổi và nơi cư trú ($p>0,05$).

IV. KẾT LUẬN

Kết quả khảo sát 116 bệnh nhân từ các phòng khám nha khoa bên ngoài bệnh viện có nhu cầu điều trị nội nha lại, với tất cả 512 răng đã nội nha cho thấy tỷ lệ nội nha thất bại do các phòng khám nha khoa bên ngoài bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung Ương Thành phố Hồ Chí Minh chiếm tỷ lệ khá cao với 327 răng thất bại (chiếm 63,90%). Trong số đó có 262 răng thất bại do trám bít thiếu chiều dài ống tủy (chiếm 80,12%). Các răng cối hàm trên và hàm dưới có tỷ lệ thất bại nhiều hơn nhóm răng cối nhỏ và nhóm răng cửa. Các răng điều trị nội nha thất bại không có sự khác biệt giữa nhóm răng, giới, tuổi và nơi cư trú ($p>0,05$).

V. KIẾN NGHỊ

– Các bác sĩ nha khoa cần tuân thủ các bước của quy trình nội nha và tuân thủ các tiêu chuẩn của ca nội nha thành công.

– Các nhà quản lý ngành RHM cần quan tâm về công tác đào tạo, công tác cấp chứng chỉ hành nghề và công tác giám sát chất lượng điều trị nội nha giúp nâng cao chất lượng công tác chăm sóc điều trị cho người dân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Nguyễn Thị Thu Huyền** (2019). Đánh giá kết quả điều trị nội nha răng hàm lớn thứ hai hàm dưới sử dụng trám tự điều chỉnh và hệ thống đèn nhiệt ba chiều. Luận văn thạc sĩ y học, 35-54.
2. **Nguyễn Thị Phương Nga** (2009), Nghiên cứu điều trị tủy răng hàm lớn thứ nhất, thứ hai hàm dưới có sử dụng trám Protaper và máy X-smart, Luận văn Thạc sĩ Y học, Trường Đại học Y Hà Nội, tr. 43-58.
3. **Trần Thị An Huy** (2020), Đánh giá kết quả điều trị nội nha lại có sử dụng hệ thống EQ-V trong trám bít ống tủy tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng.
4. **Đặng Thị Liên Hương** (2011), Nhận xét đặc điểm lâm sàng, X quang và đánh giá kết quả điều trị nội nha răng có ống tủy cong bằng Protaper.
5. **Shahla Shokrollahi Yancheshmeh** (2019), Examining the Factors Affecting Endodontic Therapy Failure, Published by Canadian Center of Science and Education.
6. **Sadia Tabassum¹, Farhan Raza Khan** (2019) Failure of endodontic treatment: The usual suspects, Aga Khan University Hospital, Karachi, Pakistan. Published online: 2019-09-23.
7. **Mustafa, M; Almuhaiza, M; Alamri, HM; Abdulwahed, A; Alghomlas, ZI** (2021)
8. **Evaluation of the Causes of Failure of Root Canal Treatment among Patients in the City of Al-Kharj, Saudi Arabia.**
9. **Mikiyo Yamaguchi et al** (2018). Factors that cause endodontic failures in general practices in Japan. BMC Oral Health, Volume 18, 70.